TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án N dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N gia đình thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thùy T, sinh năm 1977; HKTT: khu phố x, thị trấn D, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1972; HKTT: khu phố x, thị trấn D, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 21/5/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn N*: Bà T và ông N chung sống với nhau từ năm 2000, hôn N tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND D, huyện P vào

ngày 17/12/2000. Sau thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc thì đến năm 2020, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông N.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà T và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Mai K, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/01/2003. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thụy Mai K, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Đăng K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 21/5/2021 của nguyên đơn; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 bản tự khai của nguyên đơn ngày 21/5/2021.

Ngoài ra, bà T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Theo bản tự khai ngày 10/9/2021, bị đơn ông N trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn N*: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà T cụ thể: Ông N và bà T có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D vào ngày 17/12/2000. Tuy nhiên, ông N thấy rằng hiện nay vẫn còn thương yêu bà T và các con, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn với bà T.

- *Về con chung*: Ông N và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Mai K, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/01/2003. Ông N không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tiến hành tố tụng ý kiến của con chung***:

- ***Ý kiến của Nguyễn Thụy Mai K***: Nếu ba mẹ ly hôn thì em K muốn ở chung với mẹ Nguyễn Thùy T.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

- Ngày 07/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh, cụ thể như sau:

+ Xác minh tại chính quyền địa phương (trưởng khu phố), xác định: Ông N và bà T là hai vợ chồng sinh sống tại khu phố x. Quá trình chung sống tại địa phương thì ông N hay uống rượu nên về nhà hay la mắng bà T dẫn đến hai vợ chồng cự cãi và sống chung không hợp.

+ Xác minh tại chính quyền địa phương (Phó trưởng khu phố), xác định: Ông N là người nóng tính, hay uống rượu. Về nguyên N mâu thuẫn thì ông không rõ. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân được 05 tháng.

+ Xác minh tại nhà hàng xóm, xác định: Ông N lúc không có uống rượu là người hiền lành nhưng có rượu thì là người hung hăng, nhiều lần la mắng đe dọa bà T. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2021.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2021 đối với con chung anh Nguyễn Đăng K, thể hiện: Ba N là người hay uống rượu, mỗi lần có rượu thì ba mẹ cũng có cãi nhau. Tuy nhiên, vài tháng gần đây thì ít uống. Ngoài ra, ba N có nói là mẹ T quen người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, đồng thời tỏ thái độ không hài lòng với mẹ T.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông N là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung tên Nguyễn Thụy Mai K cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông N đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông N, ông N có nơi cư trú tại khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án N dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 21/5/2021, bà T khởi kiện ly hôn đối với ông N với các yêu cầu: Ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên

Nguyễn Thụy Mai K, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N không đồng ý ly hôn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[4.1] *Về quan hệ hôn N*: Bà T và ông N chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND D, huyện P vào ngày 17/12/2000. Hôn N giữa bà T và ông N đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông N xảy ra mâu thuẫn, nguyên N do không hợp tính tình, ông N hay uống rượu, lại là người nóng tính, hay ghen nên hai bên bất đồng ý kiến, không thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng, đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Ngoài ra, ông N còn cố tình vắng mặt không tham gia phiên tòa, điều này thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn N và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà T với ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Mai K, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/01/2003. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Thụy Mai K và cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng:* Bà T tự nguyện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng, đây là ý kiến tự nguyện của bà T và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà T phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thùy T với ông Nguyễn Thành N.

1.1. *Về quan hệ hôn N*: Bà Nguyễn Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thùy T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thụy Mai K, sinh ngày 19/12/2010 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thùy T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thùy T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn N gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn N gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0046000 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/9/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam